TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 815/2022/DS-ST
Ngày: 27/9/2022
V/v "tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phi Trung.

2. Ông Lữ Hà Minh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 368/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP QTVN

Trụ sở: Số A, đường P, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Trần Sơn T.
2. Ông Cao Xuân C, sinh năm 1984 (Có mặt)
3. Ông Nguyễn Phạm Đ.H, sinh năm 1997

Địa chỉ: Số X, đường Y, phường L, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh

(Giấy ủy quyền số 043158.22 ngày 29/4/2022)

Bị đơn:

1. Ông Hoàng Nguyễn T.Đ, sinh 1985 (Vắng mặt)
2. Bà Đinh Thị K.Đ, 1990 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số G,đường H, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Cao Xuân C (viết tắt là Ông C) đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP QTVN trình bày:

Ngân hàng TMCP QTVN (viết tắt T) – chi nhánh L – PGD Thành Nam và ông Hoàng Nguyễn T.Đ (viết tắt là ông T.Đ) bà Đinh Thị K.Đ (viết tắt là bà K.Đ) ký hợp đồng tín dụng cho vay mua ô tô số 0433HĐTD-T675/17 ngày 12/07/2017, vay số tiền 376.000.000 đồng, mục đích vay mua xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, số loại Spark, biển kiểm soát 51G-441.08, mục đích sử dụng: tiêu dùng; Thời hạn vay: 96 tháng, từ ngày 14/07/2017 đến ngày 13/07/2025; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 8,09%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,09%/năm; Trả phí theo quy định của T từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

T đã giải ngân cho ông T.Đ và bà K.Đ theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0433KUNN-T675/17 ngày 13/07/2017 với số tiền 376.000000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T.Đ và bà K.Đ luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Vì vậy, T đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 14/12/2020. Tạm tính đến ngày 27/9/2022, ông T.Đ và bà K.Đ đã thanh toán cho T số tiền là 275.078.801 đồng (Tiền gốc: 163.080.000 đồng, tiền lãi: 111.998.801 đồng).

Nay nguyên đơn yêu cầu ông T.Đ và bà K.Đ trả ngay cho T số tiền (tạm tính đến ngày 27/9/2022) là 288.981.106 đồng. Trong đó: nợ gốc 212.920.000 đồng, nợ lãi trong hạn 2.422.386 đồng, nợ lãi quá hạn 73.638.719 đồng.

Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 28/9/2022 cho đến khi khách hàng ông T.Đ và bà K.Đ thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký.

Ông C đại diện theo ủy quyền nguyên đơn xác định nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, số loại Spark, biển kiểm soát 51G-441.08. Do ngân hàng không xác định được xe và chưa liên hệ được với ông T.Đ bà K.Đ.

Ông C khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ trên, nguyên đơn không còn chứng cứ nào khác để cung cấp cho Toà án.

Tại phiên tòa, Ông C giữ nguyên yêu cầu đã trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T.Đ và bà K.Đ không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T.Đ và bà K.Đ vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về xác định quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự, Tòa án xác định có cơ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ hợp đồng tín dụng cho vay mua ô tô số 0433HĐTD-T675/17 ngày 12/07/2017; đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0433KUNN-T675/17 ngày 13/07/2017 được ký giữa ông T.Đ và bà K.Đ với T thể hiện ông T.Đ bà K.Đ được Ngân hàng giải ngân số tiền 376.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

Nay nguyên đơn yêu cầu ông T.Đ bà K.Đ thanh toán số tiền tính đến ngày 27/9/2022, là 288.981.106 đồng. Trong đó: nợ gốc 212.920.000 đồng, nợ lãi trong hạn 2.422.386 đồng, nợ lãi quá hạn 73.638.719 đồng, và khoản lãi phát sinh từ ngày 28/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Do ông T.Đ bà K.Đ không thực hiện nghĩa vụ, xâm phạm đến lợi ích nguyên đơn, căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ hợp đồng tín dụng cho vay mua ô tô số 0433HĐTD-T675/17 ngày 12/07/2017; đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0433KUNN-T675/17 ngày 13/07/2017 được ký giữa ông T.Đ và bà K.Đ với T, các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự, có cơ sở xác định ông T.Đ bà K.Đ có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền: Căn cứ kết quả xác minh ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Công an Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh: đương sự Hoàng Nguyễn T.Đ và Đinh Thị K.Đ có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số G,đường H, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng không thực tế cư ngụ, hiện tạm trú tại ấp Q, xã R, huyện V, thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ kết quả xác minh ngày 16/6/2022 của Công an xã R, huyện V: Ông T.Đ và bà K.Đ có lưu trú tại ấp Q, xã R, huyện V, thành phố Hồ Chí Minh. Đến tháng 01/2022 không còn lưu trú tại địa chỉ trên, không

rõ đi đâu. Do ông T.Đ bà K.Đ cư trú tại quận N, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với ông T.Đ bà K.Đ, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập hợp lệ cho ông T.Đ bà K.Đ để ghi tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T.Đ bà K.Đ vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Căn cứ hợp đồng tín dụng cho vay mua ô tô số 0433HĐTD-T675/17 ngày 12/07/2017; đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0433KUNN-T675/17 ngày 13/07/2017 được ký giữa ông T.Đ và bà K.Đ với T cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: ông T.Đ bà K.Đ được Ngân hàng giải ngân số tiền 376.000.000 đồng, mục đích mua xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, số loại Spark, biển kiểm soát 51G-441.08. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T.Đ và bà K.Đ đã thanh toán cho T số tiền là 275.078.801 đồng (tiền gốc: 163.080.000 đồng, tiền lãi: 111.998.801 đồng).

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ hợp đồng tín dụng cho vay mua ô tô số 0433HĐTD-T675/17 ngày 12/07/2017; đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0433KUNN-T675/17 ngày 13/07/2017 được ký giữa ông T.Đ và bà K.Đ với T; căn cứ bảng bảng tính lãi khách hàng, ông T.Đ và bà K.Đ đã được giải ngân số tiền 376.000.000 đồng. Ông T.Đ bà K.Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 275.078.801 đồng (tiền gốc: 163.080.000 đồng, tiền lãi: 111.998.801 đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T.Đ bà K.Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Ngày 15/12/2020 Ngân hàng đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông T.Đ bà K.Đ phải trả số tiền tạm tính đến ngày 27/9/2022: Nợ gốc: 212.920.000 đồng, lãi trong hạn: 2.422.386 đồng, lãi quá hạn: 73.638.719 đồng. Tổng cộng: 288.981.106 đồng, và khoản lãi phát sinh từ ngày 28/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, có cơ sở chấp nhận.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, Ông C đại diện theo ủy quyền nguyên đơn xác định nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả tiền gốc và tiền lãi, không yêu cầu Tòa án giải quyết xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, số loại Spark, biển kiểm soát 51G-441.08, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về tố tụng và đề nghị về nội dung có cơ sở chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, do vậy bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280; Điều 351; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Hoàng Nguyễn T.Đ và bà Đinh Thị K.Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP QTVN số tiền: Nợ gốc: 212.920.000 (Hai trăm mười hai triệu chín trăm hai mươi nghìn) đồng, lãi trong hạn: 2.422.386 (Hai triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn ba trăm tám mươi sáu) đồng, lãi quá hạn: 73.638.719 (Bảy nươi ba triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm mười chín) đồng. Tổng cộng: 288.981.106 (Hai trăm tám mươi tám triệu chín trăm tám mươi một nghìn một trăm lẻ sáu) đồng

Kể từ ngày 28/9/2022, ông Hoàng Nguyễn T.Đ và bà Đinh Thị K.Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng cho vay mua ô tô số 0433HĐTD-T675/17 ngày 12/07/2017; đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0433KUNN-T675/17 ngày 13/07/2017.

Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng cho vay mua ô tô số 0433HĐTD-T675/17 ngày 12/07/2017; đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0433KUNN-T675/17 ngày 13/07/2017, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP QTVN thì lãi suất mà ông Hoàng Nguyễn T.Đ và bà Đinh Thị K.Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP QTVN theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP QTVN.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hoàng Nguyễn T.Đ và bà Đinh Thị K.Đ phải chịu 14.449.055 (Mười bốn triệu bốn trăm bốn mươi chín ngàn không trăm năm mươi năm) đồng.

Ngân hàng TMCP QTVN được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.708.000 (Năm triệu bảy trăm lẻ tám nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số

AA/2021/0029449 ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận N;
- CC THADS quận N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Kim Phụng